

Mẫu: M3-Mô tả CTĐT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ - Theo định hướng ứng dụng
Ngành đào tạo:	Quản trị kinh doanh
Tên tiếng Anh:	Business Administration
Mã ngành:	8340101
Hình thức đào tạo:	Chính quy; Vừa làm vừa học

Bình Định, 2021

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3213/QĐ-ĐHQN, ngày 03 tháng 12 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ - Theo định hướng ứng dụng
Ngành đào tạo:	Quản trị kinh doanh
Tên tiếng Anh:	Business Administration
Mã ngành:	8340101
Hình thức đào tạo:	Chính quy; Vừa làm vừa học

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Master of Business Administration - MBA) theo hướng ứng dụng trang bị cho học viên kiến thức toàn diện và chuyên sâu trong quản trị điều hành doanh nghiệp. Thông qua quá trình nghiên cứu mang tính thực tiễn cao, chương trình đào tạo giúp học viên hình thành và nâng cao năng lực giải quyết vấn đề trong kinh doanh, trau dồi kinh nghiệm phục vụ tốt công tác chuyên môn đồng thời phân tích, ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn hoạt động quản trị kinh doanh của các tổ chức hướng đến mở rộng cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình (Tiếng Việt)	Quản trị kinh doanh
2. Mã ngành/chuyên ngành đào tạo	8340101
3. Trường cấp bằng	Trường Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
5. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
6. Số tín chỉ yêu cầu	60
7. Khoa quản lý	TC-NH&QTKD
8. Hình thức đào tạo	Chính quy, VLVH
9. Thời gian đào tạo	2 năm
10. Đối tượng tuyển sinh	Người tốt nghiệp đại học Quản trị kinh doanh hoặc tương đương theo Quy chế tuyển sinh hiện hành
11. Thang điểm đánh giá	10
12. Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của CTĐT

	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm TBC tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên (tính theo thang điểm 4) - Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của Nhà trường
13. Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị trong các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trong và ngoài nước, cơ quan quản lý nhà nước; - Chuyên gia tham mưu cho lãnh đạo doanh nghiệp trong tổ chức và điều hành các hoạt động quản trị doanh nghiệp, tổ chức. - Chủ doanh nghiệp hoặc giữ vị trí giám đốc điều hành tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước. - Nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách và chiến lược kinh doanh ở các viện nghiên cứu kinh tế, các cơ quan quản lý nhà nước;
	- Tiếp tục nghiên cứu để trở thành cán bộ nghiên cứu, giảng viên giảng dạy chuyên sâu về quản trị kinh doanh ở các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp.
14. Học tập nâng cao trình độ	Tiếp tục tham gia nghiên cứu ở bậc tiến sĩ trong và ngoài nước về chuyên ngành quản trị kinh doanh.
15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của ĐH Kinh tế Quốc dân; ĐH Thương mại; ĐH Ngoại thương; ĐH Kinh tế Đà Nẵng; ĐH Kinh tế TP. HCM; Nanyang Technological University (Singapore); Yonsei University (South Korea); Chinese University of Hong Kong (Hong Kong); Tsinghua University (China); National Taiwan University (Taiwan); The University of New South Wales (Australia).
16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	2021

1.3. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

Toàn diện – Khai phóng – Thực nghiệp

Toàn diện: Đào tạo người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực.

Khai phóng: Phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; giúp người học chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời.

Thực nghiệp: Đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; giúp người học thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Triết lý giáo dục của trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo thạc sĩ quản trị kinh doanh như sau:

Chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh			Triết lý giáo dục của DQN		
			Toàn diện	Khai phóng	Thực nghiệp
Kiến thức trong chương trình đào tạo	I. Kiến thức chung	Tư duy phân tích và giải quyết vấn đề	x	x	x
		Kỹ năng đàm phán	x	x	x
	II. Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức về quản lý kinh tế, các phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học quản trị	x	x	x
	III. Phần kiến thức chuyên ngành	Kiến thức bắt buộc chuyên ngành QTKD	x	x	x
		Kiến thức tự chọn chuyên ngành QTKD, kiến thức liên ngành, kiến thức bổ trợ chuyên ngành.	x	x	x
IV. Thực tập, Đề án tốt nghiệp		x	x	x	
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	PLO1	Hiểu và vận dụng được cơ sở thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu khoa học, kiến thức nâng cao và toàn diện về kinh tế và quản trị kinh doanh hiện đại vận dụng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.	x	x	
	PLO2	Tổng hợp được kiến thức thực tiễn và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp như: quản trị chiến lược, quản trị Marketing, quản trị tác nghiệp, quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực, quản trị dự án, quản trị sự đổi mới, quản trị rủi ro...	x	x	
	PLO3	Hiểu rõ và vận dụng được các kiến thức chung về kinh doanh và quản trị trong phân tích và giải quyết các vấn đề về hoạch định, tổ chức, triển khai thực hiện và kiểm tra các hoạt động quản trị trong doanh nghiệp một cách sáng tạo.	x	x	x
	PLO4	Phản biện, phân tích, tổng hợp, đánh giá được dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học và tiên tiến	x	x	x

PLO5	Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương Bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho người Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố	x	x	x
PLO6	Sử dụng các công nghệ thông tin một cách sáng tạo trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp.	x	x	x
PLO7	Tổng hợp, truyền đạt, phổ biến được tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng và khác ngành.	x	x	x
PLO8	Làm chủ được các kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định và hoạch định chiến lược kinh doanh để tổ chức, quản trị được các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.	x	x	x
PLO9	Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng trong hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.	x	x	x
PLO10	Thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh trong môi trường hội nhập, tự định hướng phát triển năng lực cá nhân và hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ.	x	x	x
PLO11	Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.	x	x	x
PLO12	Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp.	x	x	x

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

1.4.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ quản trị kinh doanh cung cấp cho học viên kiến thức chuyên môn hiện đại, toàn diện trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có kỹ năng thực hành quản trị chuyên nghiệp và hiệu quả; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh toàn cầu.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể (ký hiệu POs)

Chương trình đào tạo thạc sĩ quản trị kinh doanh giúp học viên:

- Về kiến thức

+ PO1: Trang bị kiến thức về thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu khoa học, kiến thức nâng cao và toàn diện của ngành và liên

1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá

1.6.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Chuẩn bị của giảng viên

+ Tài liệu giảng dạy, tài liệu hướng dẫn học tập, dụng cụ dạy học (nếu cần).

- Các phương pháp giảng dạy - học tập [Dạy trực tiếp/gián tiếp/trải nghiệm/tương tác/tự nghiên cứu]

+ Dạy trực tiếp: thuyết giảng, tham luận.

+ Dạy gián tiếp: câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề.

+ Học trải nghiệm: thực tập, thực tế, bài tập nhóm.

+ Dạy học tương tác: thảo luận, làm việc nhóm.

+ Tự nghiên cứu: tiểu luận, dự án / đề án.

Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy - học tập	Chuẩn đầu ra (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I. Dạy trực tiếp												
1. Thuyết giảng	x	x	x				x					
2. Tham luận	x	x	x				x					
II. Dạy gián tiếp												
3. Câu hỏi gợi mở	x	x	x		x					x		
4. Giải quyết vấn đề	x	x	x	x			x	x	x		x	x
III. Học trải nghiệm												
7. Thực tập, thực tế	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
8. Bài tập nhóm	x	x	x	x			x	x	x	x	x	
IV. Dạy học tương tác												
9. Thảo luận	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x
10. Làm việc nhóm	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
V. Tự nghiên cứu												
11. Tiểu luận	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
12. Đề án tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

- Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học

+ Chú trọng sử dụng các phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực người học, phát huy tối đa tính tích cực, sáng tạo, chủ động của học viên. Để thực hiện được điều này, giảng viên cần phải chú trọng phát huy các chức năng tâm lý, khả năng tư duy độc lập, sáng tạo thông qua việc tạo điều kiện cho học viên được thảo luận, trình bày các quan điểm, tư duy về các vấn đề liên quan đến học phần giảng dạy; phối hợp các phương pháp giảng dạy khác nhau một cách hợp lý phù hợp với từng đối tượng người học và bối cảnh cụ thể, từ đó giúp người học chủ động tự tổ chức nghiên cứu,

học tập; tích cực tìm hiểu, khám phá, lĩnh hội những tri thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra của học phần.

+ Sử dụng tối ưu cơ sở vật chất, phương tiện giảng dạy, học tập: Nhà trường cần có kế hoạch đầu tư và sử dụng hiệu quả các cơ sở vật chất, phương tiện, tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập của giảng viên và học viên; Tăng cường và mở rộng sự hợp tác giữa nhà trường với các cơ sở sản xuất, các viện, trường đại học, các tổ chức, cá nhân,... trong và ngoài nước để tạo điều kiện thuận lợi, vận động cho việc xây dựng, ứng dụng và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ mới, hiện đại, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

1.6.2. Phương pháp đánh giá

a. Thang điểm đánh giá:

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

b. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm:

+ Học phần lý thuyết

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Chọn 1 trong 3 nhóm trọng số		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
1	Quá trình	<p>* Đánh giá chuyên cần: tham dự lớp học đầy đủ.</p> <p>* Học viên làm một bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết hoặc thuyết trình).</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.</p> <p>* Các bài báo cáo nhóm hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách học phần.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá: nội dung, hình thức, thể hiện bài báo cáo, bài tập lớn theo quy định chi tiết trong M4 của học phần.</p> <p>* Các bài tiểu luận theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài tiểu luận: đúng đáp án hoặc yêu cầu được nêu chi tiết trong M4 của học phần.</p>	30%	40%	50%
2	Cuối kỳ	<p>Thi kết thúc học phần</p> <p>* Hình thức thi: Viết/vấn đáp.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án hoặc yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.</p> <p>* Hình thức thi: Bài báo cáo/thu hoạch/tiểu luận</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài thi: nội dung, hình thức bài theo yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.</p>	70%	60%	50%

+ Học phần thực tập chuyên môn

50% điểm quá trình (giảng viên hướng dẫn); 50% điểm vấn đáp (thành viên đánh giá vấn đáp được thành lập theo quyết định của khoa).

Tiêu chí đánh giá: được nêu cụ thể trong M4 của học phần.

+ Học phần đề án tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn. Tiêu chí cụ thể được nêu chi tiết trong M4 của học phần.

c. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I. Đánh giá tiến trình												
1. Đánh giá chuyên cần	x	x	x									
2. Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
3. Đánh giá làm việc nhóm	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
4. Đánh giá bài kiểm tra	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5. Đánh giá bài tập lớn, tiểu luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
II. Đánh giá tổng kết												
6. Kiểm tra viết	x	x	x		x	x			x	x	x	x
7. Bảo vệ và thi vấn đáp	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
8. Đánh giá báo cáo/thu hoạch/tiểu luận/đề án (nội dung và vấn đáp)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Cấu trúc tín chỉ khung chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Phần kiến thức chung	4	0
	Triết học	4	0
2	Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành	27	20
2.1	Các học phần bắt buộc	27	0
2.2	Các học phần tự chọn	0	20
3	Luận văn/Đồ án thay thế/Khác	9	0
Tổng:		40	20
		60	

- Phần kiến thức chung gồm 1 học phần:

Phần kiến thức chung giúp người học nâng cao kiến thức về thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận cũng như nâng kỹ năng tư duy phân tích và giải quyết vấn đề.

- Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành gồm 28 học phần:

Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành trang bị cho học viên kiến thức toàn diện và chuyên sâu trong quản trị điều hành doanh nghiệp để có thể tự nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp. Phần kiến thức này giúp người hình thành và nâng cao năng lực giải quyết vấn đề trong kinh doanh, trau dồi kinh nghiệm phục vụ tốt công tác chuyên môn đồng thời phân tích, phát triển kỹ năng tổ chức, quản lý lẫn các mối quan hệ nghề nghiệp, ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn hoạt động quản trị kinh doanh của các tổ chức.

2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

TT	Khối kiến thức	Số TC	Tỉ lệ	Chuẩn đầu ra (PLOs)											
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Phần kiến thức chung	4	6,66%												
	Triết học	4	6,66%	x			x			x					
2	Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành	47	78,33%												
2.1	Các học phần bắt buộc	27	45,00%	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2.2	Các học phần tự chọn	20	33,33%	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Luận văn/Đồ án thay thế/Khác	9	15%	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	Đề án tốt nghiệp	9	15%	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

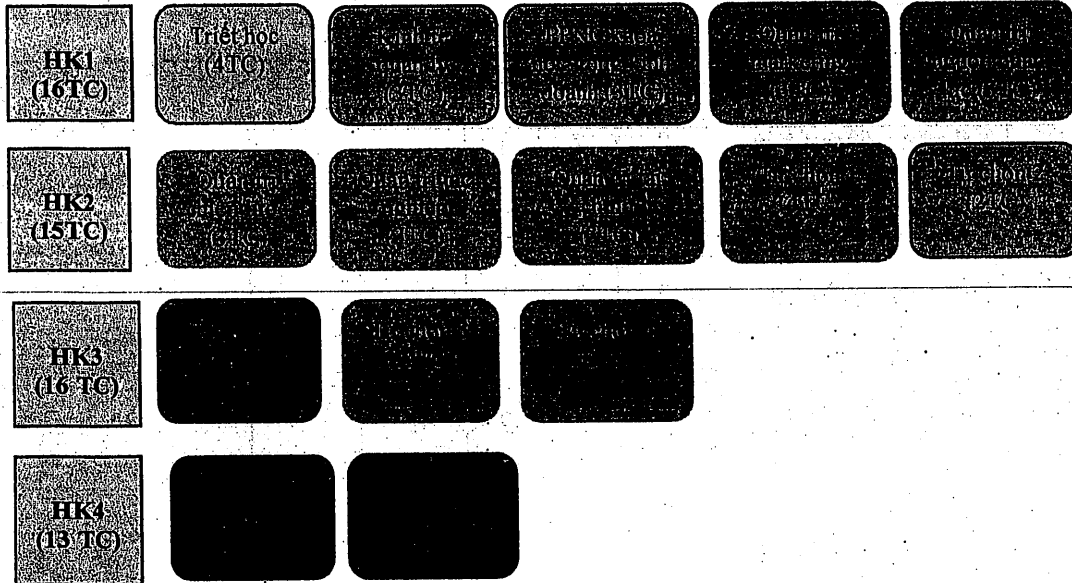
2.3. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần		Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng kiến thức			Mã HP học trước	Mã HP	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
	Chữ	Số			Tổng	LT	BT				
I. Phần kiến thức chung					4						
1	XHTH	501	Triết học	1	4	3	1			K.LLCT-L-QLNN	
II. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành					56						
II.1. Phần bắt buộc					27						
2	QTKT	102	Kinh tế quản lý	1	3	2	1			TC-NH & QTKD	
3	QTPP	103	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	1	3	2	1			TC-NH & QTKD	
4	QTCL	201	Quản trị chiến lược	2	3	2	1			TC-NH & QTKD	

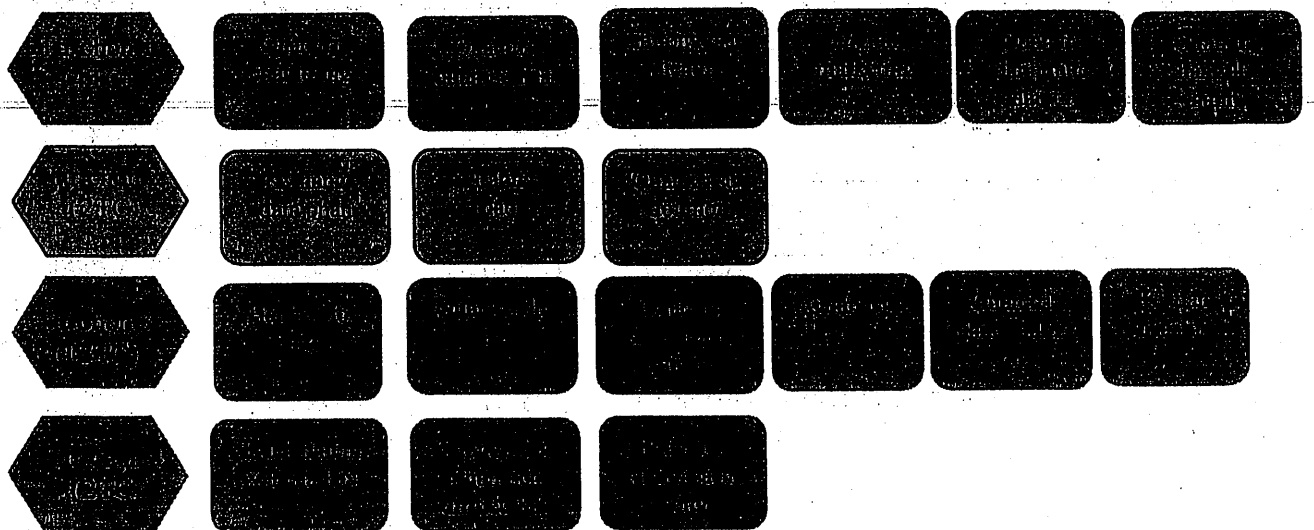
5	QTTN	202	Quản trị tác nghiệp	2	3	2	1			TC-NH & QTKD
6	QTNL	104	Quản trị nguồn nhân lực	1	3	2	1			TC-NH & QTKD
7	QTMK	105	Quản trị marketing	1	3	2	1			TC-NH & QTKD
8	QTTC	203	Quản trị tài chính	2	3	2	1			TC-NH & QTKD
9	QTTT	301	Thực tập chuyên môn 1	3	2		2			TC-NH & QTKD
10	QTTT	401	Thực tập chuyên môn 2	4	4		4			TC-NH & QTKD
II.2. Phần tự chọn (20/42 Tín chỉ)					20					
Tự chọn 1: Chọn 1 trong 3 học phần					2					
11	QTĐP	204	Kỹ năng đàm phán	2	2	1	1			TC-NH & QTKD
12	QTLĐ	205	Lãnh đạo	2	2	1	1			TC-NH & QTKD
13	QTĐM	206	Quản trị sự đổi mới	2	2	1	1			TC-NH & QTKD
Tự chọn 2: Chọn 4 trong 6 học phần					12					
14	QTHV	302	Hành vi tổ chức	3	3	2	1			TC-NH & QTKD
15	QTDA	303	Quản trị dự án	3	3	2	1			TC-NH & QTKD
16	QTQT	304	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	3	2	1			TC-NH & QTKD
17	QTRR	305	Quản trị rủi ro	3	3	2	1			TC-NH & QTKD
18	QTCU	306	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3	2	1			TC-NH & QTKD
19	QTKT	307	Kế toán quản trị	3	3	2	1			Kinh tế & Kế toán
Tự chọn 3: Chọn 2 trong 6 học phần					4					
20	QTCL	207	Quản trị chất lượng	2	2	2	0			TC-NH & QTKD
21	QTKH	208	Quản trị quan hệ khách hàng	2	2	2	0			TC-NH & QTKD
22	QTTĐ	209	Thương mại điện tử	2	2	1	1			TC-NH & QTKD
23	QTDM	210	Digital marketing	2	2	2	0			TC-NH & QTKD
24	QTĐT	211	Quản trị danh mục đầu tư	2	2	1	1			TC-NH & QTKD
25	QTLH	212	Quản trị hãng lữ hành	2	2	1		1		TC-NH & QTKD
Tự chọn 4: Chọn 1 trong 3 học phần					2					
26	QTTK	308	Thông kê và phân tích dữ liệu kinh doanh	3	2	1	1			Toán & Thống kê

27	QTTN	309	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	3	2	1	1			TC-NH & QTKD
28	QTCS	310	Phân tích chính sách công	3	2	1	1			TC-NH & QTKD
III. Đề án tốt nghiệp					9					
29	QTĐA	402	Đề án tốt nghiệp	4	9					TC-NH & QTKD
Tổng cộng					60					

2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy



Danh sách các học phần tự chọn



Chú thích:

	Khối kiến thức chung		Khối kiến thức cơ sở ngành
	Khối kiến thức chuyên ngành		Thực tập, Đề án tốt nghiệp

2.5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

STT	Tên HP	PLOs											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Triết học	x			x			x					
2	Kinh tế quản lý	x		x	x	x	x	x	x	x			
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	x		x	x	x	x	x				x	
4	Quản trị chiến lược	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	Quản trị tác nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6	Quản trị nguồn nhân lực	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Quản trị marketing	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8	Quản trị tài chính	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9	Thực tập chuyên môn 1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	Thực tập chuyên môn 2	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
11	Kỹ năng đàm phán	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
12	Lãnh đạo	x		x							x	x	x
13	Quản trị sự đổi mới	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x
14	Hành vi tổ chức	x	x	x	x			x	x	x	x	x	
15	Quản trị dự án	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
16	Quản trị kinh doanh quốc tế	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
17	Quản trị rủi ro	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
18	Quản trị chuỗi cung ứng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
19	Kế toán quản trị			x			x	x	x	x	x	x	x
20	Quản trị chất lượng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
21	Quản trị quan hệ khách hàng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
22	Thương mại điện tử	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
23	Digital marketing	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
24	Quản trị danh mục đầu tư	x	x	x	x		x	x	x		x	x	x
25	Quản trị hăng lữ hành	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x
26	Thống kê và phân tích dữ liệu kinh doanh	x		x	x		x	x		x		x	x
27	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	x		x	x			x	x	x	x	x	x
28	Phân tích chính sách công	x			x			x	x	x	x	x	x
29	Đề án tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

2.6.1. [XHTH 101], [Triết học], [4TC]

Ở chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, học viên sẽ nghiên cứu môn Triết học là môn học đầu tiên trong chương trình đào tạo, các nội dung được đề cập bao gồm lý thuyết và vận dụng thực tế như: Các vấn đề lý luận chung về triết

học; bản thể luận; nhận thức luận trên cơ sở lấy triết học Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng. Qua học phần này học viên cũng xác định rõ các vấn đề về hình thái kinh tế - xã hội; về triết học chính trị; ý thức xã hội; triết học về con người... từ đó ứng dụng để định hướng cho người học xây dựng phương pháp, điều chỉnh hành vi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thực tiễn của bản thân. Môn học này tạo nên nền tảng, cơ sở thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận và lập trường tư tưởng chính trị... để học tập những môn học sau cũng như hướng đến phục vụ cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

2.6.2. [QTKT102], [Kinh tế quản lý], [3TC]

Học phần kinh tế quản lý là học phần vận dụng lý thuyết kinh tế và các công cụ phân tích của khoa học ra quyết định để xem xét cách thức một tổ chức đạt được mục tiêu với hiệu quả cao nhất. Kinh tế quản lý bao gồm các nội dung cơ bản như khái quát chung về kinh tế quản lý, kinh tế quản lý trong bối cảnh toàn cầu hóa; các phương pháp tối ưu hóa, sử dụng đạo hàm để giải các bài toán tối ưu; phân tích cầu và hành vi người tiêu dùng; lý thuyết và ước lượng mối quan hệ sản xuất - chi phí; cấu trúc thị trường, cơ cấu cạnh tranh và việc định giá; phân tích rủi ro và các quyết định đầu tư. Đây là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành.

2.6.3. [QTPP103], [Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh], [3TC]

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh trình bày các nội dung lý thuyết và ứng dụng thực tế về phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh doanh; quy trình tiến hành một nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh doanh gồm tổng quan nghiên cứu, xác định mục tiêu nghiên cứu, xây dựng cơ sở lý thuyết, phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu; phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng; cách trình bày kết quả nghiên cứu khoa học để người học có thể vận dụng trong các hoạt động nghiên cứu khoa học. Đây là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành và có quan hệ bổ trợ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như: Quản trị chiến lược, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị marketing, Quản trị tài chính, Hành vi tổ chức, Quản trị rủi ro, Quản trị quan hệ khách hàng, Quản trị chất lượng, Thống kê và phân tích dữ liệu kinh doanh...

2.6.4. [QTCL201], [Quản trị chiến lược], [3TC]

2.6.5. [QTTN205], [Quản trị tác nghiệp], [3TC]

Học phần quản trị tác nghiệp trình bày các nội dung lý thuyết và ứng dụng thực tế về kế hoạch sản xuất; bố trí mặt bằng sản xuất; sản xuất tinh gọn; ứng dụng lý thuyết xếp hàng trong các doanh nghiệp dịch vụ; xây dựng hệ thống bảo trì. Đây là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành và có quan hệ bổ trợ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như: Lãnh đạo, Quản trị Marketing, Quản trị nguồn nhân lực,

Quản trị tài chính, Logistics và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

2.6.6. [QTNL104], [Quản trị nguồn nhân lực], [3TC]

Học phần Quản trị nguồn nhân lực là một trong các học phần cung cấp kiến thức ngành của ngành quản trị kinh doanh, đó là quản trị con người (người lao động trong tổ chức). Học phần đề cập đến các nội dung về tầm quan trọng của việc quản lý con người, hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển dụng, đánh giá thực hiện công việc, tạo động lực lao động và trả công lao động. Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản và chuyên sâu về quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, từ đó giúp người học có đủ năng lực thực hiện các hoạt động quản trị nguồn nhân lực có hiệu quả trong tổ chức và trong các bộ phận thuộc phạm vi quản lý. Học phần có quan hệ bổ trợ với các học phần khác như quản trị chiến lược, quản trị tài chính, quản trị sản xuất và các học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

2.6.7. [QTMK105], [Quản trị Marketing], [3TC]

Ở chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo hướng ứng dụng, học phần quản trị Marketing tập trung nghiên cứu nội dung các công việc trong quá trình quản trị marketing bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá và điều khiển các hoạt động marketing của một tổ chức (doanh nghiệp). Mỗi nội dung của quá trình quản trị marketing đều được nghiên cứu về cơ sở ra quyết định, quy trình ra quyết định, nội dung quyết định trong thực tế và các tình huống marketing cụ thể.

2.6.8. [QTTC203], [Quản trị tài chính], [3TC]

Học phần Quản trị tài chính cung cấp những kiến thức chuyên sâu về quản trị tài chính trong hoạt động của doanh nghiệp như: Phân tích và quyết định đầu tư tài sản ngắn hạn; Quyết định đầu tư tài sản dài hạn; Quyết định cơ cấu vốn và chi phí sử dụng vốn; Quyết định chính sách phân phối lợi nhuận; Nhận dạng và đo lường rủi ro tài chính; Phân tích và dự báo tài chính. Nội dung của học phần sẽ giúp cho người học hiểu rõ hơn về các hoạt động tài chính của doanh nghiệp để từ đó có thể vận dụng vào việc quản trị tài chính đối với các công ty trong thực tế. Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành và có quan hệ bổ trợ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như: Quản trị chiến lược, Quản trị tác nghiệp, Quản trị dự án, Quản trị rủi ro,...

2.6.9. [QTTT301], [Thực tập chuyên môn 1], [2TC]

Học phần thực tập chuyên môn 1 là học phần được đào tạo chủ yếu tại cơ sở thực tập. Đây là học phần cần thiết để học viên vận dụng các kiến thức lĩnh hội được tiến hành tìm hiểu thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị. Học viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên theo phân công, thông qua một quá trình tiếp cận với cơ sở thực tập nhằm tìm hiểu thông tin về các lĩnh vực hoạt động. Trong quá trình thực tập tại đơn vị,

dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên, học viên hoàn thành báo cáo thực tập theo những quy định về nội dung và hình thức. Báo cáo thực tập chuyên môn 1 trình bày những hiểu biết của học viên về các hoạt động kinh doanh và quản trị, và phân tích chức năng hoạt động chính tại cơ sở thực tập do học viên chủ động lựa chọn.

2.6.10. [QTTT401], [Thực tập chuyên môn 2], [4TC]

Trong chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, học phần thực tập chuyên môn 2 là học phần được đào tạo chủ yếu tại cơ sở thực tập. Học viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên theo phân công, thông qua một quá trình tiếp cận trực tiếp với cơ sở thực tập nhằm tìm hiểu, nghiên cứu thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị ở các đơn vị kinh tế. Đây là học phần cần thiết để học viên tiếp cận với thực tế và vận dụng các kiến thức chuyên ngành đào tạo vào phân tích thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị. Những lĩnh vực nghiên cứu cơ bản: quản trị sản xuất, quản trị nguồn nhân lực, quản trị chiến lược, quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị dự án, quản trị chất lượng, hành vi tổ chức, quản trị rủi ro, năng lực cạnh tranh, văn hóa doanh nghiệp,...

2.6.11. [QTĐP204], [Kỹ năng đàm phán] [2TC]

Học phần Kỹ năng đàm phán trình bày các nội dung lý thuyết và ứng dụng thực tế về lập kế hoạch đàm phán; tổ chức đàm phán; ứng dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết phục trong đàm phán; thực hiện các kỹ năng triển khai cơ bản; kỹ năng đàm phán giá; kỹ năng chống chơi xấu trong đàm phán; kỹ năng kết thúc đàm phán; phân tích phong cách, văn hóa đàm phán của các khu vực, quốc gia, vùng lãnh thổ khác nhau... Đây là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành và có mối quan hệ bổ trợ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như: Lãnh đạo, Văn hóa doanh nghiệp, Quản trị Marketing, Quản trị chiến lược, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị quan hệ khách hàng và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

2.6.12. [QTLĐ205], [Lãnh đạo], [2TC]

Học phần Lãnh đạo trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao về lãnh đạo như: sự khác nhau giữa quản lý và lãnh đạo, xu hướng hình thành quyền và sử dụng quyền, từ đó biết cách sử dụng quyền như thế nào cho hiệu quả khi lãnh đạo; các mô hình lãnh đạo và các tình huống để sử dụng các mô hình này một cách có hiệu quả; đào tạo nhà lãnh đạo chuyên hóa – Mô hình lãnh đạo được cho là có hiệu quả cao ở hầu hết các tình huống lãnh đạo. Như vậy, học phần này giúp cho học viên biết cách phân tích và vận dụng sáng tạo lý thuyết về lãnh đạo trong các tình huống lãnh đạo khác nhau.

2.6.13. [QTD9M206], [Quản trị sự đổi mới] [2TC]

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý sự thay đổi và đổi mới trong các tổ chức. Đây là học phần mang tính lựa chọn cho học viên. Những nội dung cụ thể của học phần bao gồm

- Hệ thống các kiến thức tổng quan về sự đổi mới như các khái niệm, mục đích, quá trình đổi mới và các lĩnh vực đổi mới trong tổ chức.

- Phân tích các mô hình đổi mới được các tổ chức ứng dụng và triển khai bao gồm mô hình tĩnh và mô hình động.

- Phân tích về mối quan hệ giữa đổi mới và lợi nhuận của tổ chức; Nguồn gốc của đổi mới và chuyển giao đổi mới.

- Quá trình quản trị sự đổi mới như nhận dạng tiềm năng của đổi mới; hoạch định sự đổi mới; tổ chức và điều sự đổi mới; kiểm tra, đánh giá sự đổi mới.

- Xu hướng toàn cầu hóa trong đổi mới và vai trò của chính phủ với sự đổi mới

2.6.14. [QTHV302], [Hành vi tổ chức], [3TC]

Học phần cung cấp cho học viên những khái niệm, nội dung cơ bản của hành vi tổ chức, giúp cho học viên xem xét mối quan hệ giữa người lao động với tổ chức trong những bối cảnh hoạt động khác nhau; cung cấp những lý luận giúp học viên có thể vận dụng trong việc duy trì và phát triển quan hệ này một cách hiệu quả. Lĩnh hội tốt các kiến thức hành vi tổ chức giúp cho học viên giải thích, dự đoán và kiểm soát các hành vi của người lao động trong tổ chức nhằm mục đích tối đa hóa sự phù hợp giữa cá nhân và tổ chức.

Ở chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo hướng ứng dụng, môn học Hành vi tổ chức sẽ giúp cho học viên nghiên cứu sâu hơn và mở rộng hơn cả phương diện lý thuyết và những vấn đề thực tế trong công việc quản trị.

Theo hướng chuyên sâu, học viên sẽ tập trung vào những chủ đề quan trọng như phân tích và điều chỉnh cơ cấu tổ chức, xây dựng và đổi mới văn hóa doanh nghiệp, kỹ năng và các công cụ hỗ trợ ra quyết định cá nhân, các phương pháp và kỹ thuật hỗ trợ ra quyết định nhóm, xây dựng và phát triển nhóm làm việc hiệu quả, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng nhận diện và giải quyết xung đột, nguyên tắc quản lý hiệu suất làm việc, trí tuệ cảm xúc, huấn luyện nhân viên, phương pháp đo lường và đánh giá năng lực nhân viên.

Theo hướng mở rộng, học viên sẽ hướng dẫn học tích hợp thêm một số phương pháp nghiên cứu của các khoa học khác như tâm lý học, xã hội học, động thái học và kinh tế lượng để phục vụ cho việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi cá nhân và nhóm trong bối cảnh tổ chức.

Các nội dung được đề cập bao gồm lý thuyết và ứng dụng thực tế, cụ thể là: Tổng quan về hành vi tổ chức; Giới thiệu hệ thống tổ chức; Cơ sở hành vi cá nhân; Cơ sở hành vi nhóm; Các chuyên đề hành vi tổ chức; Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tổ chức; Bài tập tình huống. Hệ thống bài tập của học phần bao gồm các bài tập phân tích và xử lý tình huống; nghiên cứu và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng.

2.6.15. [QTDA303], [Quản trị dự án], [3TC]

Học phần này nhằm mục tiêu giúp học viên hiểu sâu hơn lĩnh vực quản trị dự án trong doanh nghiệp, trong đó tập trung vào 5 nội dung quan trọng bám sát chức năng của quản trị dự án như: phân tích và lựa chọn dự án; tổ chức thực hiện dự án; giám sát và kiểm soát dự án; quản trị rủi ro; kết thúc dự án. Bên cạnh được trang bị lý thuyết chuyên sâu về quản trị dự án, người học còn được tiếp cận việc sử dụng các công cụ phần mềm phổ biến trong quản trị dự án tại các doanh nghiệp hiện nay như: Ms. Project, Excel và Crytal Ball.

2.6.16. [QTQT304], [Quản trị kinh doanh quốc tế], [3TC]

Học phần quản trị kinh doanh quốc tế trang bị các kiến thức và kỹ năng trong phân tích các vấn đề về toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; môi trường kinh doanh quốc tế; các hoạt động thương mại quốc tế và hoạt động kinh doanh của các công ty, đặc biệt các công ty đa quốc gia và xuyên quốc gia. Học phần cũng cung cấp những kiến thức chuyên sâu về chiến lược kinh doanh quốc tế và các hình thức xâm nhập thị trường nước ngoài, cách thức triển khai hoạt động kinh doanh quốc tế. Từ đó, giúp người học có thể phân tích, đánh giá tình hình thị trường, lựa chọn chiến lược xâm nhập và kinh doanh thành công trên thương trường quốc tế. Học phần có quan hệ hỗ trợ liên ngành với các học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

2.6.17. [QTRR305], [Quản trị rủi ro], [3TC]

Học phần Quản trị rủi ro trình bày các nội dung lý thuyết và ứng dụng thực tế về rủi ro và quản trị rủi ro trong kinh doanh; Mối quan hệ giữa quản trị rủi ro và quản trị hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; Quy trình quản trị rủi ro gồm: nhận dạng và đo lường rủi ro, kiểm soát và tài trợ rủi ro; Quản trị rủi ro tài sản và quản trị rủi ro nhân lực; Một số mô hình đo lường rủi ro. Đây là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành và có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như: Quản trị chiến lược, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Hành vi tổ chức, Quản trị quan hệ khách hàng, Quản trị chất lượng, Thống kê và phân tích dữ liệu kinh doanh...

2.6.18. [QTCU306], [Quản trị chuỗi cung ứng], [3TC]

Học phần Quản trị chuỗi cung ứng là học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản về chuỗi cung ứng, chuỗi cung ứng tích hợp, chuỗi cung ứng toàn cầu và quản trị chuỗi cung ứng. Bên cạnh đó, học phần cung cấp các kiến thức về các xu hướng mới trong công nghệ chuỗi cung ứng và việc ứng dụng công nghệ vào quá trình vận hành chuỗi cung ứng, giới thiệu các mô hình và các công cụ đo lường hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng cũng như quy trình thiết kế hệ thống chuỗi cung ứng. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị marketing, quản trị tác nghiệp và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

2.6.19. [QTKT307], [Kế toán quản trị], [3TC]

Học phần này cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để tổ chức một số kỹ thuật, nội dung công tác kế toán quản trị trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau, học phần Kế toán quản trị bao gồm một số nội dung cơ bản như sau:

- Phân tích biến động chi phí sản xuất;
- Đánh giá trách nhiệm quản lý;
- Quyết định giá bán sản phẩm;
- Ứng dụng thông tin thích hợp với việc ra quyết định ngắn hạn;
- Phương pháp xác định chi phí dựa trên cơ sở hoạt động (ABC).

Học phần thuộc khối kiến chuyên ngành của ngành Quản trị kinh doanh. Học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, quản trị của học viên.

2.6.20. [QTCL207], [Quản trị chất lượng], [3TC]

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản về chất lượng và quản trị chất lượng; Các phương pháp, kỹ thuật quan trọng nhằm đảm bảo và cải tiến chất lượng; Giới thiệu về các hệ thống quản trị chất lượng phổ biến và quy trình xây dựng hệ thống quản trị chất lượng. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị marketing, quản trị tác nghiệp và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

2.6.21. [QTKH208], [Quản trị quan hệ khách hàng], [2TC]

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản nhất về quản trị quan hệ khách hàng, cách thực hiện và hoạt động của quản trị quan hệ khách hàng. Ngoài ra học phần còn trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về đầu tư và thực hiện quản trị quan hệ với khách hàng.

2.6.22. [QTTĐ209], [Thương mại điện tử], [2TC]

Học phần Thương mại điện tử trình bày các nội dung lý thuyết và ứng dụng thực tế về các hoạt động thương mại điện tử trong điều kiện nền kinh tế thị trường; tích hợp được các công cụ điện tử trong hoạt động kinh doanh; nghiên cứu, xây dựng và ứng dụng các mô hình thích hợp về thương mại điện tử trong các hoạt động quản trị của doanh nghiệp như CRM, SCM, ERP... Đây là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành và có mối quan hệ hỗ trợ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như: Lãnh đạo, Quản trị Marketing, Quản trị quan hệ khách hàng, Quản trị rủi ro và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

2.6.23. [QTDM210], [Digital marketing], [2TC]

Học phần cung cấp các kiến thức về kế hoạch và chiến lược Digital Marketing từ lý thuyết tổng quan đến các công cụ thực tiễn. Kiến thức về truyền thông mạng xã hội sẽ được trình bày bên cạnh các nội dung ứng dụng thiết bị di động trong marketing, tối ưu hóa công cụ tìm kiếm, thấu hiểu hành vi khách hàng trực tuyến, đo lường hiệu quả sử

dụng các phương tiện truyền thông nói chung và mạng xã hội nói riêng. Học phần sẽ giúp học viên có những kiến thức về sử dụng Web, điện toán đám mây, big data và mạng xã hội, thiết bị di động để xây dựng hình ảnh thương hiệu cho công ty, giúp tăng doanh số bán hàng cả trực tuyến và ngoại tuyến.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành quản trị marketing. Trên cơ sở học viên đã nắm vững kiến thức quản trị marketing học phần sẽ giúp học viên phát triển kiến thức chuyên sâu về marketing trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

2.6.24. [QTĐT211], [Quản trị danh mục đầu tư], [2TC]

Học phần trang bị cho người học kiến thức về phân tích và quản lý danh mục đầu tư (DMĐT) chứng khoán, trên cơ sở kiến thức về phân tích và quản lý DMĐT được trang bị giúp cho người học tiến hành phân tích và ra quyết định đầu tư chứng khoán, phân bổ vốn đầu tư, xây dựng chiến lược quản lý DMĐT chứng khoán phù hợp với mức sinh lời kỳ vọng và rủi ro có thể chấp nhận. Ngoài ra, kiến thức từ môn học sẽ là hữu ích cho người học trong việc vận dụng các phương pháp và công cụ để xây dựng, quản lý và đánh giá hiệu quả DMĐT của mình. Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành và trang bị những kiến thức, kỹ năng cho người học trong việc vận dụng vào việc thực hành ra quyết định đầu tư và quản trị với chính DMĐT của mình.

2.6.25. [QTLH212], [Quản trị hãng lữ hành], [2TC]

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm, cách tiếp cận khoa học, trang bị các kiến thức về du lịch, khách du lịch, sản phẩm du lịch, các thuật ngữ chung cho ngành lữ hành và khách sạn; loại hình sản phẩm kinh doanh lữ hành, các đặc trưng của sản phẩm lữ hành, xu hướng phát triển lữ hành; phân loại được các hãng lữ hành, tổ chức hoạt động của các hãng lữ hành, các quy định nhà nước về lữ hành. Môn học giúp cho người học hiểu được cách thức xây dựng chương trình du lịch, cách tính giá tour, xác định giá bán buồng/phòng, giá bán vé máy bay dự báo hoạt động du lịch; Hiểu được hoạt động hướng dẫn viên, phân loại hướng dẫn viên, các hoạt động cần thực hiện khi hướng dẫn, quy tắc xử lý tình huống; Hiểu được các hoạt động marketing trong lữ hành, các công cụ sử dụng đo lường các hoạt động du lịch và chất lượng dịch vụ du lịch, xây dựng chiến lược trong kinh doanh lữ hành, các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh lữ hành... Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị kinh doanh lữ hành, quản trị khách sạn, nghiệp vụ lữ hành, nghiệp vụ khách sạn... và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

2.6.26. [QTTK308], [Thống kê và Phân tích dữ liệu kinh doanh], [2TC]

Học phần nhằm cung cấp cho học viên kiến thức, phương pháp nghiên cứu của Thống kê ứng dụng, trang bị cho học viên các kỹ năng sử dụng công cụ phân tích định lượng của Thống kê trong phân tích dữ liệu kinh doanh: các phương pháp chọn mẫu và lý thuyết bảng hỏi; các phương pháp mô tả số liệu thống kê; các phương pháp tính toán đo

mức độ tập trung và đo mức độ phân tán của số liệu; phương pháp xác định quan sát bất thường; phân tích phương sai (ANOVA) một chiều và hai chiều; phân tích tương quan và phân tích hồi quy tuyến tính; phân tích hồi quy logistic nhị phân; phân tích nhân tố khám phá (EFA). Đây là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành và có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như: Quản trị tài chính, Quản trị Marketing, Quản trị rủi ro.

2.6.27. [QTTN309], [Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp], [2TC]

Học phần Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp cung cấp những kiến thức từ cơ bản đến nâng cao về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp: lịch sử hình thành, mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, các nhân tố thúc đẩy việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và quản trị việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Học phần sẽ giúp người học có được những kiến thức cơ bản nhất về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, hiểu được tầm quan trọng của việc thực hiện các nghĩa vụ với cộng đồng, môi trường và xã hội. Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành và có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.

2.6.28. [QTCS310], [Phân tích chính sách công], [2TC]

Học phần Phân tích chính sách công trình bày các nội dung lý thuyết và tình huống thực tế về các vấn đề liên quan đến chính sách công, như bối cảnh hình thành chính sách, đặc điểm, thực thi chính sách. Từ đó xem xét tác động của chính sách công đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đây là học phần tự chọn, giúp người học có thể phân tích, đánh giá ảnh hưởng và khả năng khai thác các chính sách mà Nhà nước ban hành trong thực tế.

2.6.29. [QTĐA402], [Đề án tốt nghiệp], [9TC]

Học phần Đề án tốt nghiệp trong chương trình đào tạo thạc sĩ quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng thể hiện sự vận dụng kiến thức chuyên ngành đã được học vào thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp; giúp học viên nhìn nhận vấn đề một cách khoa học, toàn diện; từ đó cung cấp thông tin, đề xuất các giải pháp khắc phục, góp phần hoàn thiện hoạt động cho tổ chức hoặc lĩnh vực nghiên cứu. Trên cơ sở định hướng và hướng dẫn của giảng viên, khi thực hiện đề án tốt nghiệp, học viên sẽ chọn một vấn đề trong thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị, phù hợp với các nội dung đào tạo của chuyên ngành quản trị kinh doanh để nghiên cứu.

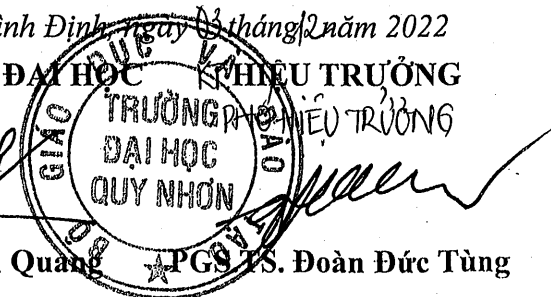
KT. TRƯỞNG KHOA
P. TRƯỞNG KHOA

TS. Đặng Thị Thanh Loan

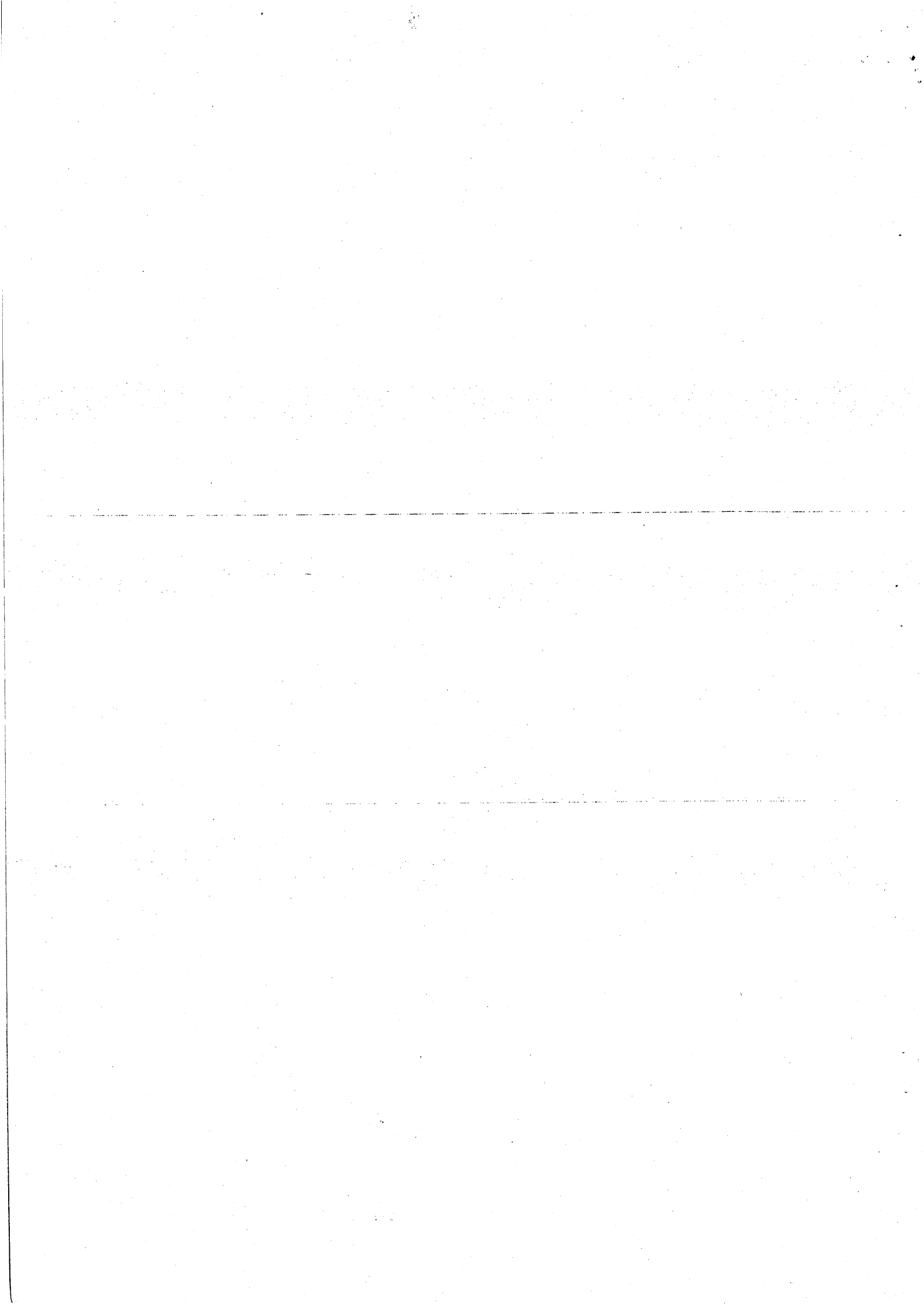
Bình Định, ngày 15 tháng 12 năm 2022
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

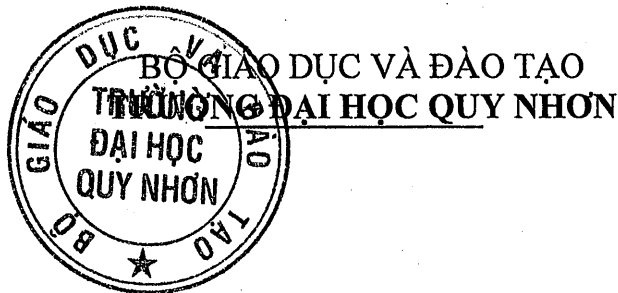


PGS.TS. Hồ Xuân Quang



PGS.TS. Đoàn Đức Tùng





CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ - Theo định hướng ứng dụng**
Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**
Tên tiếng Anh: **Business Administration**
Mã ngành: **8340101**
Hình thức đào tạo: **Chính quy; Vừa làm vừa học**

CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3213/QĐ-ĐHQN, ngày 03 tháng 12 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ - Theo định hướng ứng dụng
Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
Tên tiếng Anh: Business Administration
Mã ngành: 8340101
Hình thức đào tạo: Chính quy; Vừa làm vừa học

1. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ quản trị kinh doanh cung cấp cho học viên kiến thức chuyên môn hiện đại, toàn diện trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có kỹ năng thực hành quản trị chuyên nghiệp và hiệu quả; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh toàn cầu.

1.2. Mục tiêu cụ thể (ký hiệu POs)

Chương trình đào tạo thạc sĩ quản trị kinh doanh giúp học viên:

- Về kiến thức

+ PO1: Trang bị kiến thức về thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu khoa học, kiến thức nâng cao và toàn diện của ngành và liên ngành làm nền tảng vững chắc cho việc tiếp nhận, vận dụng và kiến tạo tốt kiến thức ngành quản trị kinh doanh

+ PO2: Trang bị kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực quản trị cốt lõi trong tổ chức như: Quản trị Marketing, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị chiến lược, Quản trị tác nghiệp, v.v.

+ PO3: Trang bị các kiến thức cập nhật thực tiễn về quản trị kinh doanh hiện đại ở Việt Nam và trên thế giới.

- Về kỹ năng

+ PO4: Trang bị kỹ năng phát hiện, phân tích, tổng hợp và đánh giá đối với các vấn đề về kinh doanh và quản trị như kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định quản trị, kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh, v.v.

+ PO5: Nâng cao kỹ năng ứng dụng để giải quyết các vấn đề thực tiễn, xử lý các tình huống quản trị và kinh doanh.

+ PO6: Nâng cao kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

+ PO7: Nâng cao khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao.

+ PO8: Có khả năng nhận định, đánh giá dự báo những thay đổi của môi trường để đưa ra các quyết định tối ưu cho công tác quản trị của doanh nghiệp.

+ PO9: Có khả năng đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ đồng thời bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn.

1.3. Chuẩn đầu ra đối với ngành học (ký hiệu PLOs)

Chương trình được thiết kế để đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

1.3.1. Về kiến thức

+ Kiến thức cơ sở

1) PLO1: Hiểu và vận dụng được cơ sở thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu khoa học, kiến thức nâng cao và toàn diện về kinh tế và quản trị kinh doanh hiện đại vận dụng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

+ Kiến thức chuyên sâu của ngành

2) PLO2: Tổng hợp được kiến thức thực tiễn và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp như: quản trị chiến lược, quản trị Marketing, quản trị tác nghiệp, quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực, quản trị dự án, quản trị sự đổi mới, quản trị rủi ro....

3) PLO3: Hiểu rõ và vận dụng được các kiến thức chung về kinh doanh và quản trị trong phân tích và giải quyết các vấn đề về hoạch định, tổ chức, triển khai thực hiện và kiểm tra các hoạt động quản trị trong doanh nghiệp một cách sáng tạo.

1.3.2. Về kỹ năng

+ Kỹ năng chung

4) PLO4: Phản biện, phân tích, tổng hợp, đánh giá được dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học và tiên tiến.

5) PLO5: Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương Bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho người Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

6) PLO6: Sử dụng các công nghệ thông tin một cách sáng tạo trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp.

+ Kỹ năng chuyên môn

7) PLO7: Tổng hợp, truyền đạt, phổ biến được tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận

các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng và khác ngành.

8) PLO8: Làm chủ được các kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định và hoạch định chiến lược kinh doanh để tổ chức, quản trị được các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.

1.3.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

9) PLO9: Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng trong hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

10) PLO10: Thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh trong môi trường hội nhập, tự định hướng phát triển năng lực cá nhân và hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ.

11) PLO11: Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

12) PLO12: Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp.

Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
PO1	x	x	x						x			
PO2	x	x	x						x			
PO3	x	x	x						x			
PO4	x	x	x	x			x	x	x			
PO5	x	x	x	x			x	x	x			
PO6	x	x	x		x	x						
PO7	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO8	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO9	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

1.4. Nội dung đào tạo

TT	Mã học phần		Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng kiến thức			Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
	Chữ	Số			Tổng	LT	BT			
I. Phần kiến thức chung					4					
1	XHTH	501	Triết học	1	4	3	1		K.LLCT-L-QLNN	
II. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành					56					
<i>II.1. Phần bắt buộc</i>					<i>27</i>					

2	QTKT	102	Kinh tế quản lý	1	3	2	1			TC-NH &QTKD
3	QTPP	103	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	1	3	2	1			TC-NH &QTKD
4	QTCL	201	Quản trị chiến lược	2	3	2	1			TC-NH &QTKD
5	QTTN	202	Quản trị tác nghiệp	2	3	2	1			TC-NH &QTKD
6	QTNL	104	Quản trị nguồn nhân lực	1	3	2	1			TC-NH &QTKD
7	QTMK	105	Quản trị marketing	1	3	2	1			TC-NH &QTKD
8	QTTC	203	Quản trị tài chính	2	3	2	1			TC-NH &QTKD
9	QTTT	301	Thực tập chuyên môn 1	3	2		2			TC-NH &QTKD
10	QTTT	401	Thực tập chuyên môn 2	4	4		4			TC-NH &QTKD
<i>II.2. Phân tự chọn (20/42 Tín chỉ)</i>				20						
<i>Tự chọn 1: Chọn 1 trong 3 học phần</i>				2						
11	QTĐP	204	Kỹ năng đàm phán	2	2	1	1			TC-NH &QTKD
12	QTLĐ	205	Lãnh đạo	2	2	1	1			TC-NH &QTKD
13	QTĐM	206	Quản trị sự đổi mới	2	2	1	1			TC-NH &QTKD
<i>Tự chọn 2: Chọn 4 trong 6 học phần</i>				12						
14	QTHV	302	Hành vi tổ chức	3	3	2	1			TC-NH &QTKD
15	QTDA	303	Quản trị dự án	3	3	2	1			TC-NH &QTKD
16	QTQT	304	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	3	2	1			TC-NH &QTKD
17	QTRR	305	Quản trị rủi ro	3	3	2	1			TC-NH &QTKD
18	QTCU	306	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3	2	1			TC-NH &QTKD
19	QTKT	307	Kế toán quản trị	3	3	2	1			Kinh tế & Kế toán
<i>Tự chọn 3: Chọn 2 trong 6 học phần</i>				4						
20	QTCL	207	Quản trị chất lượng	2	2	2	0			TC-NH &QTKD
21	QTKH	208	Quản trị quan hệ khách hàng	2	2	2	0			TC-NH &QTKD
22	QTTĐ	209	Thương mại điện tử	2	2	1	1			TC-NH &QTKD

23	QTDM	210	Digital marketing	2	2	2	0								TC-NH & QTKD
24	QTĐT	211	Quản trị danh mục đầu tư	2	2	1	1								TC-NH & QTKD
25	QTLH	212	Quản trị hãng lữ hành	2	2	1	1								TC-NH & QTKD
<i>Tự chọn 4: Chọn 1 trong 3 học phần</i>					2										
26	QTIK	308	Thống kê và phân tích dữ liệu kinh doanh	3	2	1	1								Toán & Thống kê
27	QTTN	309	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	3	2	1	1								TC-NH & QTKD
28	QTCS	310	Phân tích chính sách công	3	2	1	1								TC-NH & QTKD
III. Đề án tốt nghiệp					9										
29	QTĐA	402	Đề án tốt nghiệp	4	9										TC-NH & QTKD
Tổng cộng					60										

Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của ngành học

TT	Khối kiến thức	Số TC	Tỉ lệ	Chuẩn đầu ra (PLOs)												
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	Phần kiến thức chung	4	6,66%													
	Triết học	4	6,66%	M			M				M					
2	Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành	47	78,33%													
2.1	Các học phần bắt buộc	27	45,00%	H	H	H	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H
2.2	Các học phần tự chọn	20	33,33%	H	H	H	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H
3	Luận văn/Đề án thay thế/Khác	9	15%	H	H	H	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H
	Đề án tốt nghiệp	9	15%	H	H	H	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

1.5. Kế hoạch giảng dạy từng kỳ (dự kiến)

TT	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Kế hoạch đào tạo (học kỳ)				Dự kiến giảng viên thực hiện	Khoa QLHP
	Chữ	Số			1	2	3	4		
I. Kiến thức chung				4						
1	XHTH	501	Triết học	4	4					LLCT, L & QLNN
II. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành				56						
II.1. Bắt buộc				27						
2	QTKT	102	Kinh tế quản lý	3	3				TS. Trần Thị Thanh Diệu TS. Trần Thị Diệu Hương TS. Võ Hải Long	TC-NH & QTKD

3	QTPP	103	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3	3			TS. Nguyễn Hoàng Phong TS. Đặng Thị Thanh Loan PGS. TS. Lê Văn Huy	TC-NH& QTKD
4	QTCL	201	Quản trị chiến lược	3		3		TS. Nguyễn Chí Tranh TS. Nguyễn Thị Hạnh TS. Nguyễn Ngọc Điện	TC-NH & QTKD
5	QTTN	202	Quản trị tác nghiệp	3		3		TS. Đặng Thị Thanh Loan TS. Trần Thanh Phong	TC-NH & QTKD
6	QTNL	104	Quản trị nguồn nhân lực	3	3			TS. Nguyễn Thị Kim Ánh TS. Phạm Thị Hương PGS. TS. Đào Hữu Hòa	TC-NH & QTKD
7	QTMK	105	Quản trị marketing	3	3			TS. Lê Dzu Nhật TS. Nguyễn Hà Thanh Thảo PGS. TS. Hồ Huy Tựu	TC-NH & QTKD
8	QTTC	203	Quản trị tài chính	3		3		TS. Phan Trọng Nghĩa TS. Phan Thị Quốc Hương TS. Vương Bảo Ngọc	TC-NH & QTKD
9	QTTT	301	Thực tập chuyên môn 1	2			2	Giảng viên đáp ứng quy định hiện hành	TC-NH & QTKD
10	QTTT	401	Thực tập chuyên môn 2	4			4	Giảng viên đáp ứng quy định hiện hành	TC-NH & QTKD
II.2. Tự chọn				20					
<i>Tự chọn 1: Chọn 1 trong 3 học phần</i>				2					
11	QTĐP	204	Kỹ năng đàm phán	2		2		TS. Đặng Hồng Vương TS. Vũ Thị Nữ	TC-NH& QTKD
12	QTLĐ	205	Lãnh đạo	2		2		TS. Trịnh Thị Thúy Hồng PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ	TC-NH& QTKD
13	QTĐM	206	Quản trị sự đổi mới	2		2		TS. Kiều Thị Hương TS. Đặng Trương Cát My	TC-NH& QTKD
<i>Tự chọn 2: Chọn 4 trong 6 học phần</i>				12					
14	QTHV	302	Hành vi tổ chức	3			3	TS. Nguyễn Thị Hạnh TS. Đặng Trương Cát My PGS. TS. Nguyễn Phúc Nguyên	TC-NH& QTKD
15	QTDA	303	Quản trị dự án	3			3	TS. Phan Thị Quốc Hương TS. Kiều Thị Hương	TC-NH& QTKD
16	QTQT	304	Quản trị kinh doanh quốc tế	3			3	PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ TS. Nguyễn Thị Kim Ánh	TC-NH& QTKD
17	QTRR	305	Quản trị rủi ro	3			3	TS. Võ Hải Long TS. Phạm Thị Bích Duyên TS. Đặng Trương Cát My	TC-NH& QTKD
18	QTCU	306	Quản trị chuỗi cung ứng	3			3	TS. Vũ Thị Nữ TS. Kiều Thị Hương PGS. TS. Nguyễn Thành Hiếu	TC-NH& QTKD
19	QTKT	307	Kế toán quản trị	3			3	PGS. TS. Trần Thị Cẩm Thanh TS. Nguyễn Thị Lệ Hằng	Kinh tế và Kế toán

11	Kỹ năng đàm phán	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
12	Lãnh đạo	x		x							x	x	x
13	Quản trị sự đổi mới	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x
14	Hành vi tổ chức	x	x	x	x			x	x	x	x	x	
15	Quản trị dự án	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
16	Quản trị kinh doanh quốc tế	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
17	Quản trị rủi ro	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
18	Quản trị chuỗi cung ứng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
19	Kế toán quản trị			x			x	x	x	x	x	x	x
20	Quản trị chất lượng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
21	Quản trị quan hệ khách hàng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
22	Thương mại điện tử	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
23	Digital marketing	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
24	Quản trị danh mục đầu tư	x	x	x	x		x	x	x		x	x	x
25	Quản trị hăng lý hành	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x
26	Thống kê và phân tích dữ liệu kinh-doanh	x		x	x		x	x		x		x	x
27	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	x		x	x			x	x	x	x	x	x
28	Phân tích chính sách công	x			x			x	x	x	x	x	x
29	Đề án tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

1.7. Phương pháp đánh giá

* Thang điểm đánh giá:

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

* Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

a. Học phần lý thuyết

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Chọn 1 trong 3 nhóm trọng số		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
1	Quá trình	<p>* Đánh giá chuyên cần: tham dự lớp học đầy đủ.</p> <p>* Học viên làm một bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết hoặc thuyết trình).</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.</p> <p>* Các bài báo cáo nhóm hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách học phần.</p>	30%	40%	50%

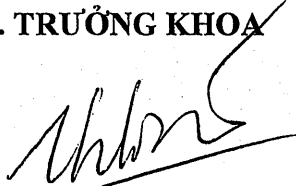
6. Kiểm tra viết	x	x	x		x	x			x	x	x	x
7. Bảo vệ và thi vấn đáp	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
8. Đánh giá báo cáo/thu hoạch/tiểu luận/đề án (nội dung và vấn đáp)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

2. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

[Phụ lục]


Bình Định, ngày 03 tháng 12 năm 2022

**KT. TRƯỞNG KHOA
P. TRƯỞNG KHOA**



TS. Đặng Thị Thanh Loan

TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC KT. HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Hồ Xuân Quang PGS.TS. Đoàn Đức Tùng



PHỤ LỤC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

MỤC LỤC

1	XHTH	501	Triết học
2	QTKT	102	Kinh tế quản lý
3	QTPP	103	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh
4	QTCL	201	Quản trị chiến lược
5	QTTN	202	Quản trị tác nghiệp
6	QTNL	104	Quản trị nguồn nhân lực
7	QTMK	105	Quản trị marketing
8	QTTC	203	Quản trị tài chính
9	QTTT	301	Thực tập chuyên môn 1
10	QTTT	401	Thực tập chuyên môn 2
11	QTĐP	204	Kỹ năng đàm phán
12	QTLĐ	205	Lãnh đạo
13	QTĐM	206	Quản trị sự đổi mới
14	QTHV	302	Hành vi tổ chức
15	QTDA	303	Quản trị dự án
16	QTQT	304	Quản trị kinh doanh quốc tế
17	QTRR	305	Quản trị rủi ro
18	QTCU	306	Quản trị chuỗi cung ứng
19	QTKT	307	Kế toán quản trị
20	QTCL	207	Quản trị chất lượng
21	QTKH	208	Quản trị quan hệ khách hàng
22	QTTĐ	209	Thương mại điện tử
23	QTDM	210	Digital marketing
24	QTĐT	211	Quản trị danh mục đầu tư
25	QTLH	212	Quản trị hãng lý hành
26	QTTK	308	Thống kê và phân tích dữ liệu kinh doanh
27	QTTN	309	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp
28	QTCS	310	Phân tích chính sách công
26	QTTK	308	Thống kê và phân tích dữ liệu kinh doanh
27	QTTN	309	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp
28	QTCS	310	Phân tích chính sách công
29	QTĐA	402	Đề án tốt nghiệp

